

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2021

*“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào D T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị O.

2. Bà Vũ Thị T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn H T A - Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 79/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ T L, sinh năm 1993, (vắng mặt).

HKTT: thôn 5, xã TH, huyện Khoái Châu, Hưng Yên.

Trú tại: thôn LĐ, xã ĐT, huyện Khoái Châu, Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Vũ Đ H, sinh năm 1989 (vắng mặt).

HKTT, trú tại: thôn 5, xã TH, huyện Khoái Châu, Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3 Cháu Vũ H A, sinh ngày 01/11/2012.

2.3 Cháu Vũ T L, sinh ngày 25/10/2016.

3.3 Cháu Vũ V A, sinh ngày 01/02/2020.

Người giám hộ cho cháu Vũ H A, cháu Vũ T L và cháu Vũ V A: Chị Đỗ T L và anh Vũ Đ H (bố, mẹ đẻ của các cháu).

Đều có HKTT: thôn 5, xã TH, huyện Khoái Châu, Hưng Yên.

4. Người làm chứng:

1.5 Bà Đào T T, sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Trú tại: thôn 5, xã TH, huyện Khoái Châu, Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ T L trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Đ H, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú, trú tại thôn 5, xã TH, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã được UBND xã TH đăng ký kết hôn ngày 01/02/2012.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu và về chung sống cùng anh H tại thôn 5 xã TH, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, anh H là người gia trưởng, khắt khe, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mất khác quan hệ giữa chị với mẹ chồng không được tốt đẹp. Khoảng tháng 08/2021 do cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn LĐ xã ĐT sinh sống, kể từ đó vợ chồng cũng ly thân, cả hai không tìm gặp và đều không có ý định đoàn tụ, vợ chồng có gọi điện nhưng cũng chỉ là để hỏi về các con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có ba con chung là cháu Vũ H A, sinh ngày 01/11/2012, cháu Vũ T L, sinh ngày 25/10/2016 và cháu Vũ V A, sinh ngày 01/02/2020, hiện cả ba cháu đều đang ở cùng anh H, nếu ly hôn do chị không có khả năng không đảm bảo cho việc nuôi dạy con chung nên nhất trí để anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Chị không yêu cầu đặt ra xem xét giải quyết.

Tại Bản tự khai, bị đơn anh Vũ Đ H trình bày: Anh kết hôn với chị Đỗ T L, sinh năm 1993, quê quán thôn LĐ xã ĐT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở

tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TH huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ngày 01/02/2012. Sau khi kết hôn, chị L chuyển khẩu và về chung sống với anh tại thôn 5, xã TH, đến khoảng tháng 05/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, chị L hay làm theo ý mình, không vun vén gia đình, do mâu thuẫn trầm trọng chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị L cương quyết xin ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có ba con chung là cháu Vũ H A, sinh ngày 01/11/2012, cháu Vũ T L, sinh ngày 25/10/2016 và cháu Vũ V A, sinh ngày 01/02/2020, hiện cả ba cháu đều đang ở cùng anh, nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu, anh không yêu cầu chị L hải đóng góp nuôi con chung, hiện anh kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 15 đến 20 triệu/tháng và có chỗ ở, anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Anh không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vũ H A trình bày: Cháu là con của anh Vũ Đ H và chị Đỗ T L, bố mẹ cháu sinh được ba chị em, gồm cháu, em L và em V A, hiện cả ba chị em đang cùng ở với bố. Cháu không rõ nguyên nhân nhưng đã nhiều tháng nay mẹ cháu không về ở cùng bố con cháu, hiện cháu được biết mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn với bố cháu, nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được tiếp tục ở với bố cháu vì từ trước đến nay cháu thường xuyên ở với bố và được bố cháu chăm sóc đầy đủ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2021, người làm chứng, bà Đào T T trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Vũ Đ H. Năm 2012, gia đình bà tổ chức cho anh H kết hôn cùng chị Đỗ T L, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Khoái Châu.

Sau khi kết hôn, chị L chuyển khẩu và về chung sống cùng anh H tại thôn 5 xã TH. Vợ chồng chung sống bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau, trước đây cũng đã nhiều lần chị L bỏ đi nhưng sau đó lại quay về chung sống cùng anh H. Đến tháng 8/2021 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng anh, chị ly thân kể từ đó đến nay, nay chị L xin ly hôn, bà có nguyện vọng anh chị hòa giải, đoàn tụ. Anh chị có ba con chung là cháu Vũ H A, sinh ngày 01/11/2012, cháu Vũ T L, sinh ngày

25/10/2016 và cháu Vũ V A, sinh ngày 01/02/2020, các cháu hiện đều đang ở cùng anh H.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng anh H, bà không nắm rõ. Quá trình chung sống vợ chồng anh H không có đóng góp gì với gia đình bà.

Quá trình Tòa án giải quyết bà nhiều lần nhận được thông báo, giấy triệu tập anh H đến Tòa làm việc, bà đều báo cho anh H biết, nhưng anh H có quan điểm nhất trí ly hôn với chị L và do hiện nay anh H đang làm ăn ở Quảng Ninh nên không về tham gia giải quyết việc ly hôn với chị L được.

Qua xác minh tại UBND xã TH ngày 22/11/2021 xác định: Chị Đỗ T L và anh Vũ Đ H xây dựng gia đình trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TH ngày 01/02/2012. Vợ chồng anh, chị có ba con chung là cháu Vũ H A, sinh ngày 01/11/2012, cháu Vũ T L, sinh ngày 25/10/2016 và cháu Vũ V A, sinh ngày 01/02/2020. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn đưa ra quan điểm về các vấn đề liên quan.

Do công việc và tình hình dịch bệnh cả chị L, anh H đều đề nghị và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Vũ H A, sinh ngày 01/11/2012, cháu Vũ T L, sinh ngày 25/10/2016 và cháu Vũ V A, sinh ngày 01/02/2020 cho anh H tiếp tục chăm

sóc, nuôi dưỡng, việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, chị Đỗ T L được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị L, anh H đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 06/10/2021, chị Đỗ T L có đơn khởi kiện anh Vũ Đ H, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Vũ Đ H có hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã TH, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt do đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ T L và anh Vũ Đ H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã TH, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2012, do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị L cương quyết xin ly hôn, anh H có quan điểm nếu chị L cương quyết anh cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống, hạnh phúc gia đình của anh, chị đang ở trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị L được ly hôn với anh H để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh, chị có ba con chung là cháu Vũ H A, sinh ngày 01/11/2012, cháu Vũ T L, sinh ngày 25/10/2016 và cháu Vũ V A, sinh ngày 01/02/2020, hiện ba cháu đều đang ở cùng anh H. Quá trình giải quyết, mặc dù đã nhiều lần động viên nhưng chị L cương quyết không nhận nuôi con chung mà chị có quan điểm để anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu, anh H cũng có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu, cháu Vũ H A cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với anh H. Xét thấy các cháu thường xuyên sinh sống cùng anh H, cuộc sống ổn định và đảm bảo, mặt khác cả chị L và anh H đều có quan điểm để anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu nên cần giao ba cháu cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, như quan điểm của chị L, anh H và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Do anh H không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị L có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; công nợ chung; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Cả chị L, anh H đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Đỗ T L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Đỗ T L được ly hôn với anh Vũ Đ H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Vũ H A, sinh ngày 01/11/2012, cháu Vũ T L, sinh ngày 25/10/2016 và cháu Vũ V A, sinh ngày 01/02/2020 cho anh Vũ Đ H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị Đỗ T L có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đỗ T L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0007516 ngày 08/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị L đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã TH.
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm
phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đào D T

